TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 09 - 01 - 2020.
"V/v Tranh chấp đòi nợ hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Châu;

Ông Trần Văn Lâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2019 về "Tranh chấp đòi nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị T; Cư trú: Ấp Tân H, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P - Theo giấy ủy quyền ngày 27/8/2019 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Chợ C, thị trấn Hưng L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc T.

Địa chỉ liên hệ: Số 6, ấp Cầu Đ, thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn P;

2. Bà Ông Thị C.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn P: Bà Ông Thị C- Theo giấy ủy quyền ngày 17/10/2019 (có mặt);

Cùng cư trú: Ấp Tân H, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày:

Vào năm 2014 vợ chồng ông P, bà C làm chủ hụi, bà T là hụi viên tham gia chơi hụi cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất (hụi tháng): Dây hụi này có 23 phần, bà T tham gia 08 phần, hụi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), mở ngày 15 tháng 09 năm 2014 âm lịch, một tháng khui hụi 01 lần, cụ thể như sau:

Tám phần hụi bà T đóng hụi sống đến lần thứ 8, đến lần thứ 9 vào ngày 15/05/2015 thì vợ chồng ông P, bà C ngưng hụi không khui nữa nhưng bà T không biết lí do vì sao, do dây hụi này vợ chồng ông P, bà C ngưng không khui nữa nên bà C đồng ý tính cho bà T 8 lần hụi chết với số tiền 8 lần x 1.000.000 đồng = 8.000.000 đồng x 8 phần = 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng). Hiện tại dây hụi đã mãn vào ngày 15/07/2016, như vậy dây hụi này ông P và bà C nợ tiền hụi bà T với số tiền là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

- Dây thứ hai (hụi tháng): Dây hụi này có 21 phần, bà T tham gia 06 phần, hụi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), mở ngày 20 tháng 10 năm 2014 âm lịch, một tháng khui hụi 01 lần.

Hai phần hụi bà T đóng hụi sống đến lần thứ 7, đến lần thứ 08 vào ngày 20/05/2015 vợ chồng ông P, bà C ngưng hụi không khui nữa nhưng bà T không biết lí do vì sao, do dây hụi này vợ chồng ông P, bà C ngưng không khui nữa nên bà C đồng ý tính cho bà T 7 lần hụi chết với số tiền 7 lần x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng x 2 phần = 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Bốn phần hụi bà T đóng hụi sống đến lần thứ 14, đến lần thứ 15 vào ngày 20/12/2015 vợ chồng ông P, bà C ngưng hụi không khui nữa nhưng bà T không biết lí do vì sao, do dây hụi này vợ chồng ông P, bà C ngưng không khui nữa nên bà C đồng ý tính cho bà T 14 lần hụi chết với số tiền 14 lần x 1.000.000 đồng = 14.000.000 đồng x 4 phần = 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng).

Hiện tại dây hụi đã mãn vào ngày 20/06/2016, như vậy dây hụi này ông P, bà C nợ tiền hụi bà T với số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

- Dây thứ ba (hụi tuần): Dây hụi này có 26 phần, bà T tham gia 05 phần 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mở ngày 30 tháng 11 năm 2014 âm lịch, một tuần khui hụi 01 lần, cụ thể như sau:

Năm phần hụi bà T đóng hụi sống đến lần 23 lần, đến lần thứ 24 vào ngày 11/05/2015 thì vợ chồng ông P, bà C ngưng hụi không khui nữa nhưng bà T không biết lí do vì sao, do dây hụi này vợ chồng ông P, bà C ngưng không khui nữa nên bà C đồng ý tính cho bà T 23 lần hụi chết với số tiền 23 lần x 300.000 đồng =

6.900.000 đồng x 5 phần = 34.500.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

Hiện tại, dây hụi đã mãn vào ngày 25/05/2015, như vậy dây hụi này ông P, bà C nợ tiền hụi bà T với số tiền là 34.500.000 đồng (Ba mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Dây thứ tư (hụi tháng): Dây hụi này có 24 phần, bà T tham gia 02 phần, hụi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), mở ngày 10 tháng 01 năm 2012 âm lịch, 03 tháng khui hụi 01 lần, cụ thể như sau:

Hai phần hụi bà T đóng hụi sống đến lần 16 lần, đến lần thứ 17 vào ngày 10/03/2016 thì vợ chồng ông P, bà C ngưng hụi không khui nữa nhưng bà T không biết lí do vì sao, do dây hụi này vợ chồng ông P, bà C ngưng không khui nữa nên bà C đồng ý tính cho bà T 16 lần hụi chết với số tiền 16 lần x 2.000.000 đồng = 32.000.000 đồng x 2 phần = 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

Hiện tại, dây hụi đã mãn vào ngày 10/12/2017, như vậy dây hụi này ông P, bà C nợ tiền hụi bà T với số tiền là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng).

- Dây thứ năm (hụi tháng): Dây hụi này có 24 phần, bà T tham gia 04 phần, hụi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), mở ngày 10 tháng 01 năm 2014 âm lịch, 01 tháng khui hụi 01 lần, cụ thể như sau:

Bốn phần hụi bà T đóng hụi sống đến lần 19 lần, đến lần thứ 20 vào ngày 10/08/2015 thì vợ chồng ông P, bà C ngưng hụi không khui nữa nhưng bà T không biết lí do vì sao, do dây hụi này vợ chồng ông P, bà C ngưng không khui nữa nên bà C đồng ý tính cho bà T 19 lần hụi chết với số tiền 19 lần x 1.000.000 đồng = 19.000.000 đồng x 4 phần = 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Hiện tại, dây hụi đã mãn vào ngày 10/12/2015, như vậy dây hụi này ông P, bà C nợ tiền hụi bà T với số tiền là 76.000.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu đồng).

Ngoài ra, ông P, bà C còn nợ bà T số tiền hụi ngày là 5.800.000 đồng, do hụi mãn lâu và không nhớ ngày chơi cũng như số lần đóng cụ thể, các bên chỉ chốt còn nợ lại tiền hụi.

Như vậy, tổng số tiền hụi mà vợ chồng bà Ông Thị C và ông Nguyễn Văn P còn nợ bà T ở 06 dây hụi là 314.300.000 đồng (Ba trăm mười bốn triệu, ba trăm nghìn đồng), tuy nhiên vợ chồng bà C, ông P trả được 8.000.000 đồng. Như vậy, số tiền hụi mà vợ chồng ông P, bà C còn nợ bà Thuận đến thời điểm này là 306.300.000 đồng (Ba trăm lẽ sáu triệu, ba trăm nghìn dồng).

Bà Đỗ Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú buộc vợ chồng bà Ông Thị C và ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền hụi còn nợ là 306.300.000 đồng (Ba trăm lẽ sáu triệu, ba trăm nghìn đồng), vợ chồng bà Ông Thị C và ông Nguyễn Văn P còn phải trả số tiền lãi suất do chậm trả, với mức lãi suất

do bà T tạm tính là 0.83%/tháng tính từ ngày hụi mãn của từng dây hụi đến nay, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: Lãi suất tính từ ngày hụi mãn là ngày 15/07/2016 đến nay bà T làm tròn 37 tháng, với số tiền là 64.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 37 tháng = 19.654.400 đồng.

Dây hụi thứ hai: Lãi suất tính từ ngày hụi mãn là ngày 20/06/2016 đến nay bà T làm tròn 39 tháng, với số tiền là 70.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 39 tháng = 22.659.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Lãi suất tính từ ngày hụi mãn là ngày 25/05/2015 đến nay bà T làm tròn 51 tháng, với số tiền là 34.500.000 đồng x 0.83%/tháng x 51 tháng =14.603.850 đồng.

Dây hụi thứ tư: Lãi suất tính từ ngày hụi mãn là ngày 10/12/2017 đến nay bà T làm tròn 20 tháng, với số tiền là 64.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 20 tháng = 10.624.000 đồng.

Dây hụi thứ năm: Lãi suất tính từ ngày hụi mãn là ngày 10/12/2015 đến nay bà T làm tròn 44 tháng, với số tiền là 76.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 44 tháng = 27.755.200 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi suất mà vợ chồng bà Ông Thị C và ông Nguyễn Văn P phải có trách nhiệm trả cho bà T là 95.296.450 đồng (Chín mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

Tổng số tiền hụi và lãi suất mà bà Ông Thị C và ông Nguyễn Văn P phải trả cho bà T là 306.300.000 đồng + 95.296.450 đồng = 401.596.450 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

Vợ chồng bà Ông Thị C và ông Nguyễn Văn P còn trả cho bà T thêm phần lãi suất kể từ khi bà T khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy ủy của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Ông Thị C và ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền hụi còn nợ là 302.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 11 năm 2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Ông Thị C đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Bà Ông Thị C là chủ hụi còn bà T là hụi viên, bà T tham gia hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi (tháng) thứ 1: Bà C và ông P còn nợ bà T 08 phần hụi sống, với số tiền là 35.200.000 đồng;

- Dây hụi (tháng) thứ 2: Bà C và ông P còn nợ bà T 06 phần hụi sống, với số

tiền là 25.200.000 đồng;

- Dây hụi (tháng) thứ 3: Bà Chi và ông P còn nợ bà T 05 phần hụi sống, với số tiền là 31.500.000 đồng;

- Dây hụi (tháng) thứ 4: Bà C và ông P còn nợ bà T 02 phần hụi sống, với số tiền là 39.000.000 đồng; bà T còn nợ bà C và ông P 04 phần hụi chết với số tiền là 40.000.000 đồng. Như vậy đối với dây hụi này, bà T còn nợ bà C và ông P số tiền 1.000.000 đồng;

- Dây hụi (tháng) thứ 5: Bà C và ông P còn nợ bà T 04 phần hụi sống, với số tiền là 43.200.000 đồng; bà T còn nợ bà C và ông P 04 phần hụi chết với số tiền là 20.000.000 đồng. Như vậy đối với dây hụi này, bà C và ông P còn nợ bà T số tiền 23.200.000 đồng;

- Dây hụi ngày, bà C và ông P còn nợ bà T số tiền 5.800.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà C và ông P còn nợ bà T là 119.900.000 đồng, sau đó bà C và ông P đã trả cho bà T được số tiền 8.000.000 đồng nên hiện nay bà C và ông P còn nợ bà T số tiền 111.900.000 đồng.

Bà C thừa nhận chữ ký trong Tờ giấy tập học sinh, dòng đầu ghi: "Số tiền hội của chị P" là của bà C, bà C và ông P có ký tên nhận nợ. Tuy nhiên, số tiền 310.000.000 đồng trong đó bao gồm tiền hụi và tiền lãi nên bà C yêu cầu xem xét lại đối với số tiền 310.000.000 đồng. Bà C và ông P đồng ý trả cho bà T số tiền 111.900.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và các bị đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là 302.000.000 đồng (Ba trăm lẻ hai triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp đòi nợ hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn cư trú tại ấp Tân H, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ hụi. Trong quá trình tham gia chơi hụi các bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả số tiền nợ hụi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp đòi nợ hụi.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy ủy của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tính lãi 05 dây hụi là 95.296.450 đồng, nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ 302.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[4] Bị đơn bà C thừa nhận bị đơn làm chủ hụi, còn nguyên đơn là hụi viên sau khi ngừng khui hụi bị đơn và nguyên đơn tính sổ, bị đơn làm giấy nhận nợ nguyên đơn số tiền 310.000.000 đồng, bị đơn trả cho nguyên đơn 8.000.000 đồng, còn nợ là 302.000.000 đồng, nguyên đơn cũng thống nhất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu các bị đơn trả số tiền hụi còn thiếu. Bị đơn thừa nhận có nợ tiền hụi của nguyên đơn nhưng bị đơn phản đối cho rằng: Trong số tiền 302.000.000 đồng có tiền vốn và tiền lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong giấy nhận nợ của các bị đơn ký nhận nợ cho nguyên đơn thì không có ghi nợ vốn là bao nhiêu và nợ lãi là bao nhiêu, chỉ ghi "*tổng số chị phong tiền hụi thiếu chị Thuận là. Tổng là 310 triệu"*. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho sự phản đối của bị đơn. Đồng thời, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho các bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ, đã hết thời hạn cung cấp tài liệu, chứng cứ mà các bị đơn cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, sự phản đối của các bị đơn không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tại phiên tòa bị đơn xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi dứt nợ, hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng trả một lần cho nguyên đơn được. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả trong thời gian ba tháng là dứt nợ, do nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Các bị đơn liên đới phải chịu án phí là 15.100.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị T. Buộc các bị đơn bà Ông Thị C và ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị T tiền hụi còn nợ là 302.000.000 đồng (Ba trăm lẻ hai triệu đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng các bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.032.000 đồng (Mười triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009249 ngày 25/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Các bị đơn liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.100.000 đồng (Mười năm triệu, một trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh